

Quài Nừa, ngày 23 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Quài Nừa công khai hoạt động của nhà trường như sau:

A. Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG

I. Điều 4: THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Quài Nừa

2. Địa chỉ trụ sở chính: Bản Bó Giáng, xã Quài Nừa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0974135279; Email: mnquainua.tg@dienbien.edu.vn

Website: <https://mnquainua.tuangiao.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Cơ sở giáo dục công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mạng:

Trường mầm non Quài Nừa xác định không có gì quan trọng hơn sự nghiệp chăm sóc giáo dục trẻ. Chúng tôi hiểu rằng độ tuổi từ 1 đến 6 tuổi là khoảng thời gian “Vàng” khoảng thời gian quan trọng nhất của trẻ thơ, thời điểm mà trí thông minh, sự sáng tạo cũng như sự lớn lên về thể chất và tinh thần của trẻ được phát triển cao nhất. Do đó nhiệm vụ của VCQL, GV, NV và NLD trường mầm non Quài Nừa là mang tới cho trẻ một môi trường giáo dục *An toàn – Thân thiện – Tận tâm*. Trẻ được phát triển theo phương châm “*Trẻ là trung tâm trong quá trình CSGD*”. Nhà trường luôn xác định trẻ chính là những chủ nhân tương lai của đất nước, là nguồn hạnh phúc của mỗi gia đình và toàn xã hội. Chính vì vậy việc chăm sóc giáo dục trẻ không chỉ là của gia đình, nhà trường mà còn là của toàn xã hội. Mọi hoạt động của nhà trường đều hướng đến trẻ. Do đó nhà trường chỉ đạo giáo viên tham gia học tập, nâng cao trình độ tích cực bồi dưỡng các chuyên đề. Khuyến khích giáo viên sử dụng giáo án điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Giáo viên đổi mới phương pháp dạy học với mục tiêu “*Lấy trẻ làm trung tâm*”, hướng mọi hoạt động vào trẻ, trẻ được chủ động, sáng tạo trong các hoạt động. Chú trọng phát triển năng lực về kiến thức, kỹ năng sư phạm, khả năng giao tiếp, múa hát, thể thao, hoạt động tập thể nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, mạnh dạn, tự tin.

Trường mầm non Quài Nưa cam kết cung cấp một chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tâm huyết được xây dựng trên nền tảng văn hóa dân tộc nhằm đào tạo nên một thế hệ trẻ có thể lực khỏe mạnh; trí tuệ thông minh; nhân cách hoàn thiện. Đáp ứng được mục tiêu quốc gia về nâng chất lượng chăm sóc giáo dục con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

*** Tầm nhìn**

Trường Mầm non Quài Nưa xã Quài Nưa giữ vững là trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển hoàn thiện về thể chất cũng như những kỹ năng của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích tính tò mò ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh trẻ, điều này sẽ giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển cả kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện. Là ngôi trường mà phụ huynh tin tưởng, gửi gắm con em mình để trẻ có cơ hội phát triển một cách toàn diện về tình cảm, phẩm chất, trí tuệ, thẩm mỹ, mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp tiếng Việt thành thạo.

Xây dựng nền tảng bền vững cho trẻ phát triển và trưởng thành sau này với tâm huyết tạo một môi trường công bằng cho trẻ phát triển một cách tốt nhất. Trở thành trường mầm non có chất lượng tốt, giáo dục phát triển toàn diện về thể chất - trí tuệ - tinh thần cho trẻ, là đại diện tiêu biểu về chất lượng giáo dục của Huyện Tuần Giáo. Góp một phần công sức vào sự nghiệp giáo dục với mục tiêu cao nhất là phát triển thế hệ con người Việt Nam ở thời đại mới: Nâng cao giá trị tinh thần - năng lực cống hiến cho xã hội - kế thừa phẩm chất tốt đẹp của dân tộc.

*** Mục tiêu của cơ sở giáo dục**

- Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho trẻ thông qua hoạt động trải nghiệm.

- Mục tiêu riêng

Trẻ nhận biết được một số trang phục, một số món ăn,... đặc trưng của dân tộc Thái, dân tộc H'Mông.

Trẻ mẫu giáo hứng thú tham gia vào các hoạt động trải nghiệm như: Thăm quan tượng đài Vua A Dính, thăm quan trường tiểu học, thăm quan đồi macca...

các hoạt động ngoại khóa như tổ chức tết trung thu, hội chợ xuân, chiến sĩ tỷ hon ...

Trẻ mẫu giáo biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt, một số sự cố có thể xảy ra trong cháy nổ, biết thao tác có 1 số kỹ năng: Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của khí hậu, kỹ năng sử dụng các dụng cụ học tập và đồ dùng ăn uống đúng cách an toàn...

Trẻ mẫu giáo được làm quen tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể chuyện, đọc thơ, các phần mềm miễn phí, các hoạt động trải nghiệm môi trường

Trẻ mẫu giáo biết tìm tòi khám phá, biết làm việc theo nhóm, biết hợp tác, chia sẻ với bạn bè xung quanh giúp trẻ rèn luyện khả năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề từ đơn giản đến phức tạp tạo nền tảng vững chắc cho các kỹ năng học tập, kỹ năng suy luận logic và kỹ năng sống cần thiết phù hợp với sự phát triển của thời đại mới. Thông qua các hoạt động trải nghiệm tại trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Quài Nưa thành lập theo quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2004 của UBND huyện Tuần Giáo. Trường nằm trên địa bàn bản Bó Giáng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Trường có tổng diện tích là 5771,3m², trong đó diện tích phòng học là 532m², diện tích sân chơi là 1815m². Trường gồm có 11 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu. 4 điểm trường đều nằm trên mặt đường quốc lộ 6, được đặt ở trung tâm các bản nên rất thuận tiện cho việc phụ huynh đưa trẻ đến lớp.

Trong năm học 2024-2025 trường MN Quài Nưa đã duy trì tốt các tiêu chí của Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức 2.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm động viên của cấp ủy chính quyền xã Quài Nưa và lãnh đạo Huyện ủy - Hội đồng nhân dân- UBND huyện Tuần Giáo, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo và chuyên môn phòng GD&ĐT Tuần Giáo cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của tập thể đội ngũ giáo viên, các bậc phụ huynh học sinh đã giúp đỡ nhà trường luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Lương Thị Xoan

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Quài Nưa, Bản Bó Giáng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0974315279

Địa chỉ gmail: luongxoan1985@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập trường: quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2004 của UBND huyện Tuần Giáo

- Quyết định kiện toàn hội đồng trường: số 1799/QĐ- UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc kiện toàn hội đồng trường cấp Mầm non nhiệm kỳ 2021-2026

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

+ Quyết định bổ nhiệm lại số 85/QĐ-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại bà Lương Thị Xoan tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng, Trường Mầm non Quài Nưa;

+ Quyết định bổ nhiệm số 1588/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại đối với Bà Phạm Thị Thu Hoàn tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, Trường Mầm non Quài Nưa;

+ Quyết định bổ nhiệm lại số 1583/QĐ-UBND ngày ngày 30/11/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại đối với Là Thị Khương tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, Trường Mầm non Quài Nưa.

- Quy chế hoạt động; Sơ đồ tổ chức bộ máy; quyết định phân công nhiệm vụ

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn

- Nghị quyết hội đồng trường

- Quy chế chi tiêu nội bộ

- Kế hoạch tuyển sinh

- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học

- Quy chế dân chủ

- Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học

- Quy chế phối hợp

II. Điều 5: THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

* Nguồn 13: cấp đầu năm: 6.442.000.000đ

* Nguồn 12: - Tiền ăn trưa trẻ: 252.000.000đ

- Tiền hỗ trợ chi phí học tập: 236.250.000đ

- Tiền miễn giảm học phí: 32.085.000đ

- Tiền GV dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt: 52.650.000đ

- Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 86.400.000đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Từ tháng 07/2024 đến 30/06/2025 đã chi lương và phụ cấp lương: Lương: 2.336.738.435đ; phụ cấp lương: 2.698.549.659đ; tiền công theo hợp đồng lao động: 45.123.160đ.

- Chi cho các đối tượng:

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 234.000.000đ

+ Giáo viên tăng cường Tiếng việt: 52.650.000đ

+ Tiền ăn trưa cho trẻ: 249.600.000đ

+ Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 86.400.000đ

- Chi dịch vụ công cộng, VPP, thông tin liên lạc: 69.486.410đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Thu học phí 4 tháng cuối năm 2024:

$108 \text{ trẻ} \times 7.500 \times 4 \text{ tháng} \times 30\% = 3.240.000\text{đ}$

$5 \text{ trẻ} \times 25.000 \times 4 \text{ tháng} \times 100\% = 500.000\text{đ}$

- Thu học phí 5 tháng đầu năm 2025:

$108 \text{ trẻ} \times 7.500 \times 5 \text{ tháng} \times 30\% = 4.050.000\text{đ}$

$5 \text{ trẻ} \times 25.000 \times 5 \text{ tháng} \times 100\% = 625.000\text{đ}$

Tổng cộng: 8.415.000đ

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Miễn giảm 4 tháng cuối năm 2024:

$67 \text{ trẻ} \times 25.000 \times 4 \text{ tháng} = 6.700.000\text{đ}$

$108 \text{ trẻ} \times 17.500 \times 4 \text{ tháng} = 7.560.000\text{đ}$

Miễn giảm 5 tháng đầu năm 2025:

$63 \text{ trẻ} \times 25.000 \times 5 \text{ tháng} = 7.875.000\text{đ}$

$108 \text{ trẻ} \times 17.500 \times 5 \text{ tháng} = 9.450.000\text{đ}$

Tổng cộng: 31.585.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

B. Mục 2 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

I. Điều 6: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			25	1	1	2		10	12
I	Cán bộ quản lý	3			3						3
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2
II	Giáo viên	22									
1	Nhà trẻ	7			7					4	3
2	Mẫu giáo	15			15					6	9
III	Nhân viên	4									
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung										
1	Văn thư										
2	Kế toán	1				1					
3	Thủ quỹ										
4	Thư viện										
	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ										
1	Y tế	1					1				
2	Nhân viên bảo vệ	1									
3	Nhân viên phục vụ	1									
4	Nhân viên nấu ăn	0									

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	25	18	7		
I	Cán bộ quản lý	3	3			

1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	22	15	7		
1	Nhà trẻ	7	4	3		
2	Mẫu giáo	15	11	4		
Tổng cộng		25	18	7		
Tỷ lệ %		100	72	28		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, Gv hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	25	25	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên			
1	Nhà trẻ	7	7	
11	Mẫu giáo	15	15	
		25	25	
Tỷ lệ %		100	100	

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 5.771,3m², điểm trường: 2947,7m², diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em 22,45m²; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; đảm bảo theo quy định

- Diện tích xây dựng trường 1052 m²,
- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 4,1m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
22,45m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2 phòng 20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị 1 văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	60 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên	12m ² , có tủ để đồ cá nhân	12m ² , tủ để đồ cá nhân	Đạt
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	38m ²	Có mái che và đủ chỗ để xe cho CBQL, giáo viên nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
	Khu sinh hoạt chung	532m ² =2,07 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Khu ngủ	532 m ² = 2,07 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Khu vệ sinh	141m ² /257 trẻ em	0,40m ²	Đạt

	Diện tích hiện chơi (m ²)	0,54m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	60m ² /6 kho	6m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	1815 m ² = 7,06 m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	60 m ² = 0,23m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Đạt
2	Kho thực phẩm	20 m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phòng phụ trợ			
1	Phòng y tế	10m ²	10 m ² /phòng	Đạt

c, Số lượng thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

11/11 nhóm lớp có đủ thiết bị dạy học, đồ dùng tối thiểu theo quy định đảm bảo 1 bộ/lớp, các thiết bị đồ dùng khác đảm bảo so với yêu cầu; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đạt

d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục khác

TT	Tên đồ dùng, đồ chơi	Số lượng	Số bộ/nhóm (lớp)
I	Đồ chơi ngoài trời	11	1
II	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v)	18	
1	Ti vi	4	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	7	
	Máy chiếu	7	
3	Máy phô tô	1	
5	Catsset	0	
6	Tăng âm, loa đài	2	
7	Thiết bị khác (Bộ học trực tuyến)	1	
8	Bàn ghế đúng quy cách của trẻ (Bộ)	160	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a, Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Hàng năm Nhà trường tiến hành tự đánh giá trường mầm non theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT và có cải tiến chất lượng sau tự đánh giá phù hợp với thực tiễn nhà trường

Trường Mầm non Quài Nưa tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

b, Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục thông qua các mốc thời gian; kế hoạch

Trường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn Quốc gia năm học 2020-2021 theo QĐ số 3186/QĐ-SGD&ĐT ngày 06/11/2020 về việc công nhận các cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục và QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên v/v công nhận các trường MN, TH, THCS đạt chuẩn Quốc gia.

Sau kiểm tra nhà trường đã kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

Điều 7: KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Hàng năm nhà trường có kế hoạch tuyển sinh trẻ cụ thể, thành lập hội đồng tuyển sinh theo quy định, tuyên truyền kế hoạch, thời gian tuyển sinh trên website của nhà trường, trên loa phát thanh của xã Quài Nưa, và các các ban ngành của xã, bản trước khi tuyển sinh.

Đối tượng Tuyển sinh: Trẻ nhà trẻ: Trẻ trong độ tuổi mầm non từ 03-36 tháng tuổi trở lên (trẻ sinh các năm 2024; 2023; 2022), Trẻ mẫu giáo (trẻ sinh các năm 2021; 2020; 2019) trên địa bàn xã Quài Nưa.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Nhà trường và các nhóm lớp có kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với thực tiễn của nhà trường và các nhóm, lớp

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

Hàng năm nhà trường xây dựng quy chế phối hợp giữa trường mầm non với gia đình đảm bảo theo quy định

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em

Nhà trường xây dựng thực đơn cho trẻ ăn bán trú đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng theo khuyến nghị, thực đơn ăn phù hợp theo mùa, các món ăn 2 tuần

không trùng lặp, thực đơn được công khai rộng rãi trên cổng thông tin điện tử (website) của nhà trường và được dán niêm yết tại bảng tin của trường. Thực đơn cho trẻ ăn bán trú được xây dựng theo tháng.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có): Nhà trường thực hiện 02 khoản thu dịch vụ

*. Dịch vụ bán trú:

- Trẻ mẫu giáo và trẻ nhà trẻ ở điểm bản: Thực hiện thu 13.000đ/ngày/ trẻ gồm 1 bữa ăn chính và 1 bữa ăn phụ.

- Trẻ nhà trẻ ở trung tâm thu 15.000đ/ngày/trẻ gồm 2 bữa ăn chính và 1 bữa ăn phụ

- Số tiền thu sẽ chi trả cho nhà cung ứng theo số lượng lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu..

Các tháng đầu năm học thu cùng với tiền ăn của trẻ 2000đ/trẻ/ngày để mua đồ dùng, dụng cụ để tạo nên dịch vụ bán trú (thu bù chi đủ số lượng đồ dùng tại thời điểm nào thì dùng thu thời điểm đó) và quyết toán theo tháng

*. Dịch vụ trông trưa: 3.000đ/1 trẻ/1 ngày, thu trên thực tế trẻ đi học. Chi cho GV trực tiếp trông trưa.

2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025:

a) Tổng số trẻ em; 257 trẻ tổng số nhóm, lớp: 11

Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 23,4 trẻ

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép: 99 trẻ

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 257/257 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 257/257 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 257/257 trẻ đạt 100%

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: duy trì PCGDMNCT 5T năm 2024

g) Số trẻ em khuyết tật: Năm học 2024-2025 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập

Quài Nưa , ngày 23 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Lường Thị Xoan

